

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2009

Mẫu số B 09a - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP:

Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Thành lập theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty xây lắp điện 3 thành Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.

Hoạt động theo giấy phép kinh doanh số: 3203000819 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Đà Nẵng cấp, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 26 tháng 03 năm 2007.

Hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam có tên giao dịch:

VIETNAM ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION.

Tên viết tắt: VNECO

Địa chỉ trụ sở chính : Số 223 Trần Phú, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

Điện thoại : 0511.3562361 Fax: 0511.3562367

Website : www.vneco.com.vn ; www.vneco.biz

E-mail : vneco@dng.vnn.vn ; vneco@vneco.com.vn

Logo :



VNECO

✦ Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Tổng Công ty:

● Hội đồng Quản trị:

Ông Đoàn Đức Hồng

Chủ tịch

Ông Nguyễn Trọng Bình

Ủy viên

Ông Nguyễn Thành Đồng

Ủy viên

Ông Phan Anh Quang

Ủy viên

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2009

Ông Trần Hồng Thịnh
Ông Nguyễn Đâu Thảo
Ông Vũ Văn Diêm

Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên (từ nhiệm ngày 09/04/2009)

● Ban Giám đốc:

Ông Đoàn Đức Hồng
Ông Nguyễn Trọng Bình
Ông Nguyễn Thành Đồng
Ông Trần Văn Huy

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

◆ Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty:

Ông Đoàn Đức Hồng - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty

1- Hình thức sở hữu vốn: **Hỗn hợp**

Vốn điều lệ của Tổng Công ty tại 31/03/2009 là 320.000.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh:

- Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 500 Kv, các công trình nguồn điện công trình công nghiệp dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hoá, thể thao, sân bay, bến cảng.

- Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm.

- Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; Sản xuất, kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; Kinh doanh các mặt hàng trang trí nội ngoại thất, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất, kinh doanh xăng dầu.

- Thí nghiệm hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện.

- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng bao gồm lập và thẩm định dự án đầu tư; khảo sát đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình; Tư vấn quản lý dự án; Tư vấn đầu tư và hợp đồng kinh tế; Tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ.

- Kinh doanh xuất nhập khẩu: Vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công; dây chuyên công nghệ và các thiết bị công nghiệp khác.

- Đào tạo công nhân kỹ thuật, chuyên gia, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp.

- Đầu tư Nhà máy thủy điện độc lập, kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái.

- Đầu tư tài chính.

- Sản xuất và kinh doanh điện.

- Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2009

- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; Kinh doanh lĩnh vực nội địa và quốc tế.
- Kinh doanh vận tải, kinh doanh vận tải khách (đường thủy, đường bộ) theo hợp đồng.
- Kinh doanh sửa chữa xe máy thi công và phương tiện vận tải.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm theo dương lịch của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (sau đây được viết tắt là "VND"), Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh không phải là VND (ngoại tệ) được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh.

Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá mua, bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản chênh lệch tỷ giá được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG:

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Tổng Công ty thực hiện công tác kế toán theo chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ/BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Báo cáo tài chính của Tổng công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

3. Hình thức kế toán áp dụng:

Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2009

- **Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm:** Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, đầu tư chứng khoán ngắn hạn, kỳ phiếu ngân hàng, tín phiếu kho bạc...

- **Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:** Các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

- **Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:** Tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá mua, bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được phản ánh và ghi chép theo nguyên tắc giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Bình quân gia quyền.

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Kế khai thường xuyên.

- **Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được xác định và trích lập theo Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 17/02/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho... tại doanh nghiệp.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư:

- **Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình, vô hình:** Tài sản cố định của Tổng Công ty được ghi chép theo nguyên tắc nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

- **Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính:** Không có tài sản cố định thuê tài chính.

- **Phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình, vô hình:** Khấu hao tài sản cố định được xác định theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2009

Thời gian khấu hao TSCĐ hữu hình ước tính:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	:	Từ 10 đến 30 năm
+ Máy móc thiết bị	:	Từ 05 đến 08 năm
+ Phương tiện vận tải	:	Từ 06 đến 10 năm
+ Thiết bị quản lý	:	Từ 03 đến 05 năm

Thời gian khấu hao TSCĐ vô hình ước tính:

+ Phần mềm tài chính kế toán	:	05 năm
+ Hệ thống quản lý chất lượng ISO	:	05 năm
+ Quyền sử dụng đất	:	Không trích khấu hao

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết, góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:

Các khoản đầu tư này được phản ánh trong báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo giá gốc. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, khi các khoản đầu tư có tổn thất thì Tổng Công ty tiến hành xác định giá trị tổn thất để lập dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn theo nội dung Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 17/02/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính... tại doanh nghiệp.

Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào Công ty con được lập trên cơ sở hợp nhất, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác:

Tất cả các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được phản ánh trong báo cáo tài chính này theo giá gốc.

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, khi các khoản đầu tư có tổn thất thì Tổng Công ty tiến hành xác định giá trị tổn thất để lập dự phòng tổn thất đầu tư ngắn hạn, dài hạn theo quy định tại Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 17/02/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính... tại doanh nghiệp. Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư ngắn hạn, dài hạn là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2009

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

- **Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay:** Chi phí vay vốn ngân hàng phục vụ sản xuất kinh doanh trong kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính (TK 635) khi phát sinh, trừ các khoản lãi vay vốn phục vụ xây dựng cơ bản các công trình được vốn hoá theo quy định của chuẩn mực số 16 "Chi phí đi vay" Ban hành và công bố theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- **Tỷ lệ vốn hoá được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ:** Tỷ lệ vốn hoá được xác định là 100% cho các khoản chi phí đi vay và các khoản vốn được xác định có nguồn gốc từ vốn vay để phục vụ thi công tác công trình xây dựng cơ bản trong kỳ vì thu nhập từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay đó đối với các công trình bằng không.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

- **Chi phí trả trước dài hạn:** Chi phí trả trước được vốn hoá của Tổng Công ty trong kỳ bao gồm: Lợi thế thương mại được xác định khi cổ phần hoá Công ty, chiết khấu phát hành trái phiếu, chi phí công cụ dụng cụ và chi phí khác trong quá trình đầu tư xây dựng cơ bản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định . . . Các chi phí này được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty.

- **Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:** Chi phí trả trước của Tổng Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả được Tổng Công ty xác định trong kỳ là các khoản chi phí chưa chi hoặc các khoản chi phí đã được các đơn vị nhận thi công (bao gồm các Công ty con, Công ty liên kết) và các đơn vị thầu phụ đã bỏ vào công trình nhưng chưa lập đầy đủ các thủ tục để thanh toán với Tổng Công ty vì vậy Tổng Công ty chưa có cơ sở để hạch toán ghi nhận chi phí. Tuy nhiên, khối lượng các công trình, các hạng mục công trình đó đã được nghiệm thu bàn giao cho chủ đầu tư (đã ghi nhận doanh thu). Vì vậy, Tổng Công ty phải trích trước các khoản chi phí dự kiến phát sinh vào chi phí giá vốn để bảo đảm nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí (*Chuẩn mực số 14 Ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*).

Cơ sở để xác định giá trị những khoản chi phí phải trả: Căn cứ vào giá trị Hợp đồng xây lắp ký giữa Tổng Công ty và các chủ đầu tư, giữa Tổng Công ty với các đơn vị nhận thi công và tỷ lệ thực hiện giá trị của các hợp đồng đó. Xác định chi tiết cho từng hạng mục công trình, từng công trình trong từng thời kỳ nhất định.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

- **Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả:** Theo quy định của Bộ Tài chính
- **Phương pháp ghi nhận dự phòng phải trả:** Theo quy định của Bộ Tài chính

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu - Các Quỹ:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2009

- **Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu:**

+ **Vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

+ **Thặng dư vốn cổ phần:** Được ghi nhận là khoản chênh lệch giữa số thực bán với mệnh giá cổ phiếu trong đợt phát hành tăng vốn điều lệ năm 2007.

- **Nguyên tắc ghi nhận Vốn khác:** Được ghi nhận do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

- **Nguyên tắc ghi nhận Cổ phiếu quỹ:** Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

- **Nguyên tắc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái:** Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ từ các hoạt động mua, bán ngoại tệ, hoạt động thanh toán bằng đồng ngoại tệ và đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ đều được hạch toán vào kết quả kinh doanh theo quy định tại Thông tư số 105/2003/TT-BTC ngày 4 tháng 11 năm 2003 của Bộ tài chính hướng dẫn kế toán thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- **Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:** Theo quy định của Nhà nước và Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng Công ty.

- **Các quỹ:** Được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Tổng Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng của Tổng Công ty ghi nhận trong kỳ được tuân thủ đầy đủ theo 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" ban hành kèm theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố bốn (04) chuẩn mực kế toán Việt Nam. Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Tuân thủ đầy đủ theo 04 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" ban hành kèm theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố bốn (04) chuẩn mực kế toán Việt Nam

- Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu hoạt động tài chính của Tổng Công ty ghi nhận trong kỳ được tuân thủ đầy đủ theo 02 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác"

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2009

ban hành kèm theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố bốn (04) chuẩn mực kế toán Việt Nam

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

Chi phí tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ theo đúng quy định tại chuẩn mực số 16 "Chi phí đi vay" Ban hành và công bố theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành 28%, không bù trừ thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại. Năm 2008 Tổng Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

15. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái:

Đối với các khoản mục tiền ngoại tệ có gốc ngoại tệ, cuối kỳ khi lập báo cáo tài chính đều được đánh giá lại tỷ giá theo tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt nam công bố tại thời điểm cuối kỳ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2009

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31/03/2009:

	<i>Đơn vị tính: đồng</i>	
	Cuối kỳ (31/03/2009)	Đầu kỳ (01/01/2009)
01- Tiền		
- Tiền mặt tại quỹ	1.266.992.746	1.737.753.021
- Tiền gửi ngân hàng	2.925.561.139	35.952.543.429
- Tiền gửi ngân hàng (VND)	2.667.760.934	35.914.932.509
- Tiền gửi ngân hàng (Ngoại tệ)	255.823.362	33.293.841
- Tiền đang chuyển (VND)	1.976.843	4.317.079
Cộng	4.192.553.885	37.690.296.450
03- Các khoản phải thu ngắn hạn	Cuối kỳ (31/03/2009)	Đầu kỳ (01/01/2009)
1. Phải thu khách hàng	67.277.408.920	58.936.791.883
2. Trả trước cho người bán	490.190.786.512	704.425.132.649
5. Các khoản phải thu khác	289.959.028.314	138.238.881.939
Cộng	847.427.223.746	901.600.806.471
04- Hàng tồn kho	Cuối kỳ (31/03/2009)	Đầu kỳ (01/01/2009)
- Nguyên liệu, vật liệu	18.907.890.990	17.583.030.138
- Công cụ, dụng cụ	725.002.403	712.033.877
- Chi phí SX, KD dở dang	98.968.991.545	73.919.527.665
- Thành phẩm	8.694.004.608	6.953.624.389
- Hàng hóa	10.964.992	13.705.780
Cộng giá gốc hàng tồn kho	127.306.854.538	99.181.921.849
05- Tài sản ngắn hạn khác	Cuối kỳ (31/03/2009)	Đầu kỳ (01/01/2009)
- Chi phí trả trước ngắn hạn	200.298.062	192.230.334
- Thuế GTGT được khấu trừ	1.799.014.212	1.531.750.259
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (thuế TNDN nộp thừa)	245.804.007	245.804.007
- Tài sản ngắn hạn khác	2.598.887.958	2.560.459.224
Cộng	4.844.004.239	4.530.243.824
06- Phải thu dài hạn khách hàng	Cuối kỳ (31/03/2009)	Đầu kỳ (01/01/2009)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2009

- Phải thu dài hạn khác về giao dịch liên quan đến TSCĐ giữa Tổng Công ty và các đơn vị trong tổ hợp VNECO (*)	114.727.542.639	126.702.772.088
Cộng	114.727.542.639	126.702.772.088

(*) Đây là khoản phải thu dài hạn về đầu tư TSCĐ tại các đơn vị thành viên trong VNECO

07- Tài sản dài hạn khác	Cuối kỳ (31/03/2009)	Đầu kỳ (01/01/2009)
- Ký quỹ ký cược dài hạn tại NH Đầu tư PT TP Đà Nẵng	262.437.398	260.478.942
- Ký quỹ ký cược dài hạn tại CN NH Đầu tư Phát triển Quảng Nam	526.262.000	526.262.000
Cộng	788.699.398	786.740.942

08- Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ TSCĐ HH					
Tại 01/01/2009	184.122.844.922	63.347.264.174	15.733.318.380	980.011.681	264.183.439.157
<i>Tăng từ ngày 01/01/2009 đến 31/03/2009</i>	0	19.550.000	0	11.800.000	31.350.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	0	0	0	0	0
- Đầu tư mua sắm mới		19.550.000		11.800.000	31.350.000
- Tăng khác	0	0	0	0	0
<i>Giảm từ ngày 01/01/2009 đến 31/03/2009</i>	0	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0	0	0
Tại 31/03/2009	184.122.844.922	63.366.814.174	15.733.318.380	991.811.681	264.214.789.156
HAO MÒN					
Tại 01/01/2009	13.024.916.442	18.548.264.485	8.993.725.271	786.789.364	41.353.695.562
<i>Tăng từ ngày 01/01/2009 đến 31/03/2009</i>	1.731.362.487	1.465.310.846	490.299.801	33.700.232	3.720.673.366
- Khấu hao trong kỳ	1.731.362.487	1.465.310.846	490.299.801	33.700.232	3.720.673.366
- Tăng khác	0	0	0	0	0
<i>Giảm từ ngày 01/01/2009 đến 31/03/2009</i>	0	0	0	0	0

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2009

- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0	0	0
Tại 31/03/2009	14.756.278.929	20.013.575.331	9.484.025.072	820.489.596	45.074.368.928
GT CÒN LẠI TSCĐ HH					
Tại 01/01/2009	171.097.928.480	44.798.999.689	6.739.593.109	193.222.317	222.829.743.595
Tại 31/03/2009	169.366.565.993	43.353.238.843	6.249.293.308	171.322.085	219.140.420.228

10- Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bảng phát minh sáng chế	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ TSCĐ VH				
Tại 01/01/2009	757.380.200	50.086.320	679.588.581	1.487.055.101
<i>Tăng từ ngày 01/01/2009 đến 31/03/2009</i>	0	0	0	0
- Mua trong kỳ	0	0	0	0
- Tặng khác	0			0
<i>Giảm từ ngày 01/01/2009 đến 31/03/2009</i>	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0	0
Tại 31/03/2009	757.380.200	50.086.320	679.588.581	1.487.055.101
HAO MÒN				
Tại 01/01/2009	0	50.086.320	419.625.788	469.712.108
<i>Tăng từ ngày 01/01/2009 đến 31/03/2009</i>	0	0	15.291.930	15.291.930
- Khấu hao trong kỳ	0	0	15.291.930	15.291.930
- Tặng khác	0	0	0	0
<i>Giảm từ ngày 01/01/2009 đến 31/03/2009</i>	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0	0
Tại 31/03/2009	0	50.086.320	434.917.718	485.004.038
GT CÒN LẠI TSCĐ VH				
Tại 01/01/2009	757.380.200	0	259.962.793	1.017.342.993
Tại 31/03/2009	757.380.200	0	244.670.863	1.002.051.063
11- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			Cuối kỳ (31/03/2009)	Đầu kỳ (01/01/2009)
- Tổng số Chi phí XD CB dở dang (*)			163.276.276.504	151.331.077.503

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2009

Cộng	163.276.276.504	151.331.077.503
(*) Chi phí XDCB dở dang tại thời điểm 31/03/2009 chi tiết như sau:	Cuối kỳ (31/03/2009)	Đầu kỳ (01/01/2009)
- DA đầu tư khu Du lịch Xanh Lăng Cô	8.671.787.640	8.666.871.640
- DA đầu tư Khu Du lịch sinh thái Hoành Sơn	3.036.126.821	3.036.126.821
- DA đầu tư khu đô thị mới Mỹ Thượng, Thừa Thiên Huế	13.056.361.506	12.844.499.096
- DA đầu tư khu ở phân lô, đường Nguyễn Chánh, Hoà Khánh	15.087.130.462	14.794.415.169
- DA đầu tư khu đô thị mới Nam Trần Hưng Đạo, Quảng Bình	93.888.896	93.888.896
- DA đầu tư khu đô thị mới Đông Bắc, Cầu Rào, Đồng Hới	49.118.423	49.118.423
- DA đầu tư khu Trung tâm Văn hoá thể thao Đồng Hới	828.244.509	828.244.509
- DA đầu tư Thủy Điện ĐăkPring	2.116.273.250	2.113.273.250
- DA đầu tư Thủy Điện ChàVal	1.139.561.672	1.139.561.672
- DA đầu tư Thủy Điện Sông Chò	5.409.737.508	5.409.737.508
- Dự án Siêu Thị GREEN MART (Đà Nẵng)	32.688.596.411	32.025.655.263
- Dự án Thủy Điện Tà Lương	2.905.521	2.905.521
- Dự án Thủy Điện Sông Bung	20.860.000	20.860.000
- Dự án KDC VNECO 10,7HA thuộc Xã Tân Túc, H. Bình Chánh	61.309.152.066	53.437.305.261
- Dự án KDC VNECO 24Ha thuộc Xã Phước Lộc và Nhơn Đức, Nhà Bè	30.000.000	30.000.000
- Dự án khu cao ốc VP VNECO tại Nguyễn Thị Minh Khai, TP. HCM	19.736.531.819	16.797.566.978
- Chi phí đầu tư XDCB tại Khách sạn Xanh Plaza	-	41.047.496
Cộng	163.276.276.504	151.331.077.503

13 - Đầu tư tài chính dài hạn:	Cuối kỳ (31/03/2009)	Đầu kỳ (01/01/2009)
- Đầu tư vào Công ty con (a)	153.927.221.388	153.927.221.388
- Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh (b)	76.129.220.000	76.129.220.000
- Đầu tư dài hạn khác (c)	6.517.000.000	6.517.000.000
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (d)	(44.990.527.028)	(44.446.096.240)
Cộng	191.582.914.360	192.127.345.148

(a) Chi tiết đầu tư vào Công ty con tại 31/03/2009 như sau:	Cuối kỳ (31/03/2009)	Đầu kỳ (01/01/2009)
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 3	6.985.720.000	6.985.720.000
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 4	4.334.380.000	4.334.380.000
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 8	5.246.981.888	5.246.981.888
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 12	7.887.200.000	7.887.200.000
Công ty Cổ Phần Du Lịch Xanh Nghệ An	13.885.939.500	13.885.939.500
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện MÊCA VNECO	63.100.000.000	63.100.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2009

Công ty CP Tư vấn & Xây dựng VNECO	5.102.000.000	5.102.000.000
Công ty CP Du Lịch Xanh Huế	47.385.000.000	47.385.000.000
Cộng	153.927.221.388	153.927.221.388

(b) Chi tiết đầu tư vào Công ty liên kết tại 31/03/2009 như sau:

	Cuối kỳ (31/03/2009)	Đầu kỳ (01/01/2009)
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 1	8.424.900.000	8.424.900.000
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 2	5.854.100.000	5.854.100.000
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 6	9.142.170.000	9.142.170.000
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 5	4.050.000.000	4.050.000.000
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 7	9.560.000.000	9.560.000.000
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 9	7.562.100.000	7.562.100.000
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 10	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty CP Xây Dựng VNECO 11	16.682.050.000	16.682.050.000
Công ty CP Chế Tạo Kết Cấu Thép VNECO.SSM	11.853.900.000	11.853.900.000
Cộng	76.129.220.000	76.129.220.000

(c) Chi tiết đầu tư dài hạn khác vào Công ty cổ phần Sông Ba tại 31/03/2009 như sau:

Công ty cổ phần Sông Ba	6.517.000.000	6.517.000.000
Cộng	6.517.000.000	6.517.000.000

(d) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ (31/03/2009)	Đầu kỳ (01/01/2009)
+ DP giảm giá ĐT CP tại Cty CP DL Xanh Huế-VNECO	(19.190.345.021)	(17.572.610.905)
+ DP giảm giá ĐT CP tại Cty Tư vấn và XD Điện VNECO	(3.446.044.417)	(3.517.100.637)
+ DP giảm giá ĐT CP tại Cty CP Du lịch Xanh Nghệ An VNECO	(1.375.694.590)	(1.251.696.698)
+ DP giảm giá ĐT CP tại Cty CP Xây dựng Điện VNECO 1	(4.296.393.000)	(2.780.019.000)
+ DP giảm giá ĐT CP tại Cty CP Xây dựng Điện VNECO 9	-	(983.073.000)
+ DP giảm giá ĐT CP tại Cty CP chế tạo Kết cấu thép VNECO.SSM	-	(1.659.546.000)
+ DP giảm giá ĐT CP tại Cty CP Xây dựng VNECO 11	(16.682.050.000)	(16.682.050.000)
Cộng	(44.990.527.028)	(44.446.096.240)

14- Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối kỳ (31/03/2009)	Đầu kỳ (01/01/2009)
- Giá trị lợi thế kinh doanh	675.820.674	675.820.674
- Giá trị công cụ, dụng cụ và chi phí thanh toán dài hạn khác	19.020.451.357	21.212.145.657
- Chi phí phát hành trái phiếu	3.840.833.331	4.112.777.776
- Chi phí trả trước dài hạn và chờ phân bổ khác	315.990.192	363.680.885
Cộng	23.853.095.554	26.364.424.992

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2009

	Cuối kỳ (31/03/2009)	Đầu kỳ (01/01/2009)
15- Vay và nợ ngắn hạn		
- Vay ngắn hạn (*)	296.681.195.871	284.605.557.203
Cộng	296.681.195.871	284.605.557.203

(*) Trong đó khoản vay ngắn hạn Ngân hàng tại thời điểm 31/03/2009, chi tiết như sau:

+ Tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Đà Nẵng	26.000.000.000
+ Tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Hải Vân	170.194.767.436
+ Tại Ngân hàng Ngoại thương Đà Nẵng	98.362.945.435
+ Tại Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình	2.123.483.000

Cộng **296.681.195.871**

	Cuối kỳ (31/03/2009)	Đầu kỳ (01/01/2009)
* Phải trả người bán và người mua trả tiền trước		
1. Phải trả cho người bán	39.643.835.548	52.586.686.671
2. Người mua trả tiền trước	60.239.297.479	41.012.752.706
Cộng	99.883.133.027	93.599.439.377

	Cuối kỳ (31/03/2009)	Đầu kỳ (01/01/2009)
16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
- Thuế thu nhập cá nhân	29.519	9.047.782
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	254.148	18.876.499
- Thuế GTGT phải nộp của SPHH-DV	130.648.497	284.560.317
Cộng	130.932.164	312.484.598

	Cuối kỳ (31/03/2009)	Đầu kỳ (01/01/2009)
17- Chi phí phải trả		
- Chi phí trích trước vào sản xuất kinh doanh	33.344.648.310	89.197.399.217
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	211.795.402	192.656.271
Cộng	33.556.443.712	89.390.055.488

	Cuối kỳ (31/03/2009)	Đầu kỳ (01/01/2009)
18- Các khoản phải trả, phải nộp khác		

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2009

- Kinh phí công đoàn	245.765.117	264.827.712
- Bảo hiểm xã hội	323.257.766	566.063.676
- Bảo hiểm y tế	62.291.577	100.248.489
- Phải trả BTC giá trị CP người nghèo trả chậm	1.595.560.000	1.595.560.000
- GT tiền đền bù phải trả cho Ban QLDA các lưới điện Miền Trung	73.192.203	73.192.203
- GT tiền đền bù phải trả cho Ban QLDA các lưới điện Miền Nam	102.760.423	0
- Phải trả khác cho các đơn vị thành viên trong VNECO	7.035.498.425	8.447.434.346
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	43.889.585.455	29.036.727.614
+ <i>Cổ tức phải trả năm 2007 cho cổ đông theo NQĐHĐCĐ năm 2008</i>	15.843.795.524	15.480.876.688
+ <i>Phải trả khoản lãi phát hành trái phiếu DN</i>	25.375.000.000	12.828.472.222
+ <i>Phải trả tiền nhận ủy thác góp vốn vào Công ty cổ phần ĐT và TM VNECO Hà Nội</i>	60.000.000	150.000.000
+ <i>Phải trả khác</i>	2.610.789.931	577.378.704
Cộng	53.327.910.966	40.084.054.040

20- Vay và nợ dài hạn

	Cuối kỳ (31/03/2009)	Đầu kỳ (01/01/2009)
a - Vay dài hạn		
- Vay ngân hàng (VND) (*)	421.070.975.111	436.673.863.963
- Vay ngân hàng (Ngoại tệ)	332.618.492	333.069.726
<i>Ngân hàng Hàng hải TP Đà Nẵng: đầu kỳ: 19,618,88US\$, cuối kỳ 19,618,88US\$, tỷ giá GDBQ tại 31/03/2009 là: 16.954 đồng</i>	332.618.492	333.069.726
- Mệnh giá trái phiếu phát hành (**)	500.000.000.000	500.000.000.000
Cộng	921.403.593.603	937.006.933.689

(*) Trong đó vay dài hạn Ngân hàng đến thời điểm ngày 31/03/2009, chi tiết như sau:

+ Tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Đà Nẵng	73.377.478.388
+ Tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Hải Vân	111.223.782.661
+ Tại Ngân hàng Công thương Liên Chiểu	9.766.565.320
+ Tại Ngân hàng Ngoại thương Đà Nẵng	13.818.672.967
+ Tại Ngân hàng Công thương Huế	2.350.039.383
+ Tại Ngân hàng TMCP Quân đội Đà Nẵng	507.711.410
+ Tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Hòa Khánh	210.000.000.000
+ Tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Đà Nẵng	26.724.982
Cộng	421.070.975.111

(**) Tên trái phiếu : Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo đảm
Mệnh giá : 100.000 đồng / Trái phiếu
Số lượng : 5.000.000 Trái phiếu
Lãi suất : 10,15% / 1 năm
Ngày phát hành : 28/09/2007

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2009

Ngày đáo hạn : 28/09/2012

Thời hạn : 5 năm

22- Vốn chủ sở hữu

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ (31/03/2009)	Đầu kỳ (01/01/2009)
- Vốn góp của Nhà nước (do SCIC đại diện)	94.500.000.000	94.500.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	225.500.000.000	225.500.000.000
Cộng	320.000.000.000	320.000.000.000

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cuối kỳ (31/03/2009)	Đầu kỳ (01/01/2009)
- Vốn góp đầu tư của chủ sở hữu	320.000.000.000	320.000.000.000
+ Vốn góp đầu kỳ	0	0
+ Vốn góp cuối kỳ	320.000.000.000	320.000.000.000
- Thặng dư vốn CP	2.725.000.000	2.725.000.000
- Cổ phiếu Ngân Quỹ	(17.943.040.000)	(17.943.040.000)

d- Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.000.000	32.000.000
- Số lượng cổ phiếu Nhà nước nắm giữ (do SCIC đại diện)	9.450.000	9.450.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	22.550.000	22.550.000
+ Cổ phiếu phổ thông	22.550.000	22.550.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	278.920	278.920
+ Cổ phiếu phổ thông	278.920	278.920
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.721.080	31.721.080
+ Cổ phiếu phổ thông	31.721.080	31.721.080

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ/cổ phiếu

e- Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển	1.040.947.680	1.040.947.680
- Quỹ dự phòng tài chính	4.040.641.881	4.040.641.881
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.700.857.056	5.530.157.056

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2009

22- Vốn chủ sở hữu:

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (vốn góp)	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển
Số dư đầu quý 1 năm 2008	320.000.000.000	2.725.000.000	(17.943.040.000)	1.040.947.680
- Tăng vốn trong kỳ	0	0	0	0
- Lãi trong kỳ	0	0	0	0
- Tăng khác	0	0	0	0
- Giảm vốn trong kỳ (cổ tức năm 2007 phải trả cho cổ đông)	0	0	0	0
- Lỗ trong kỳ	0	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0	0
Số dư cuối quý 4 năm 2008 , số dư đầu quý 1 năm 2009	320.000.000.000	2.725.000.000	(17.943.040.000)	1.040.947.680
- Tăng vốn trong kỳ	0	0	0	0
- Lãi trong kỳ	0	0	0	0
- Tăng khác	0	0	0	0
- Giảm vốn trong kỳ	0	0	0	0
- Lỗ trong kỳ	0	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0	0
Số dư cuối quý 1 năm 2009	320.000.000.000	2.725.000.000	(17.943.040.000)	1.040.947.680

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo):

Chỉ tiêu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu quý 1 năm 2008	4.421.692.968	(3.788.891.245)	306.455.709.403
- Tăng vốn trong kỳ			0
- Lãi trong kỳ	0	6.001.615.665	6.001.615.665
- Tăng khác	0	0	0
- Giảm vốn trong kỳ (cổ tức năm 2007 phải trả cho cổ đông)	0	0	0
- Lỗ trong kỳ	0	0	0
- Giảm khác	381.051.087	0	381.051.087
Số dư cuối quý 4 năm 2008 , số dư đầu quý 1 năm 2009	4.040.641.881	2.212.724.420	312.076.273.981

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2009

- Tăng vốn trong kỳ	0	0	0
- Lãi trong kỳ	0	0	0
- Tăng khác	0	0	0
- Giảm vốn trong kỳ	0	0	0
- Lỗ trong kỳ	0	25.161.768.072	25.161.768.072
- Giảm khác	0	0	0
Số dư cuối quý 1 năm 2009	4.040.641.881	(22.949.043.652)	286.914.505.909

Thuyết minh các chỉ tiêu trong bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu trong kỳ:

*** Chỉ tiêu Vốn đầu tư của chủ sở hữu (vốn góp):**

- Số vốn đầu tư của chủ sở hữu đầu quý 1 năm 2009	:	320.000.000.000 đồng
- Số vốn đầu tư của chủ sở hữu cuối quý 1 năm 2009	:	320.000.000.000 đồng

*** Chỉ tiêu thặng dư vốn cổ phần:**

- Số thặng dư vốn cổ phần đầu quý 1 năm 2009	:	2.725.000.000 đồng
- Số thặng dư vốn cổ phần cuối quý 1 năm 2009	:	2.725.000.000 đồng

*** Chỉ tiêu cổ phiếu ngân quỹ:**

- Số cổ phiếu ngân quỹ đầu quý 1 năm 2009	:	(17.943.040.000) đồng
- Số cổ phiếu ngân quỹ cuối quý 1 năm 2009	:	(17.943.040.000) đồng

*** Chỉ tiêu Quỹ đầu tư phát triển:**

- Số Quỹ đầu tư phát triển đầu quý 1 năm 2009	:	1.040.947.680 đồng
- Số Quỹ đầu tư phát triển cuối quý 1 năm 2009	:	1.040.947.680 đồng

*** Chỉ tiêu Quỹ dự phòng tài chính:**

- Số Quỹ dự phòng tài chính đầu quý 1 năm 2009	:	4.040.641.881 đồng
- Số Quỹ dự phòng tài chính cuối quý 1 năm 2009	:	4.040.641.881 đồng

*** Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:**

- Lợi nhuận còn lại chưa phân phối đầu quý 1 năm 2009	:	2.212.724.420 đồng
- Lãi trong kỳ	:	(25.161.768.072) đồng
- Lợi nhuận còn lại chưa phân phối cuối quý 1 năm 2009	:	(22.949.043.652) đồng

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: đồng			
	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2009	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2008
25- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)	16.909.193.916	32.215.136.660	16.909.193.916	32.215.136.660
26- Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)	20.804.215	0	20.804.215	0
27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)	16.888.389.701	32.215.136.660	16.888.389.701	32.215.136.660
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	9.283.073.745	32.215.136.660	9.283.073.745	32.215.136.660
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.605.315.956		7.605.315.956	
28- Giá vốn hàng bán (Mã số 11)	16.742.133.901	26.741.580.352	16.742.133.901	26.741.580.352
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	8.868.563.532	26.741.580.352	8.868.563.532	26.741.580.352
- Giá vốn cung cấp hàng hóa và dịch vụ	7.873.570.369	-	7.873.570.369	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2009

29- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)	671.397.958	211.186.113	671.397.958	211.186.113
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	86.153.787	115.235.804	86.153.787	115.235.804
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(17.938.539)	-	(17.938.539)
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	664.661	113.888.848	664.661	113.888.848
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	584.579.510	-	584.579.510	-
30- Chi phí tài chính (Mã số 22)	21.398.957.575	6.644.214.619	21.398.957.575	6.644.214.619
- CP Hoạt động đầu tư tài chính	-	-	-	-
- CP cho vay và đi vay vốn	20.852.700.521	6.642.614.301	20.852.700.521	6.642.614.301
- CP chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	213.427	1.600.318	213.427	1.600.318
- CP Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	544.430.788	-	544.430.788	-
- CP Tài chính khác	1.612.839	-	1.612.839	-
31- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)	-	245.804.007	-	245.804.007
- CP thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính trên thu nhập chịu thuế quý hiện hành	-	245.804.007	-	245.804.007

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC:

3- Thông tin về các bên liên quan

Tên công ty	Địa chỉ văn phòng	Vốn điều lệ thực góp tại 31/03/2009 (VND)	Tỷ lệ vốn thực góp của Tổng Công ty tại 31/03/2009
▼ Công ty con			
1. Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 3	Thành phố Vinh - Nghệ An	13.197.100.000	52,93%
2. Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 4	Thành phố Vinh - Nghệ An	8.224.210.000	52,70%
3. Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 8	Buôn Mê Thuột - Đắk Lắk	11.307.962.888	46,40%
4. Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 12	Đồng Hới - Quảng Bình	12.000.000.000	65,73%
5. Công ty CP Tư vấn & Xây dựng VNECO	Quận Hải Châu - Đà Nẵng	8.384.748.000	60,85%
6. Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện MÊCA VNECO	Huyện Nhà Bè - TP.HCM	90.075.000.000	70,05%
7. Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	Thành phố Huế - TT Huế	59.800.000.000	79,24%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2009

8.	Công ty Cổ Phần Du Lịch Xanh Nghệ An VNECO	Thành phố Vinh - Nghệ An	21.868.021.413	63,50%
9.	Công ty CP Đầu tư và Thương mại VNECO Huế	Phú Vang - Thừa Thiên Huế		
10.	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện Hội Xuân VNECO	Khu đô thị Đông Bắc Ga - Phường Đông Thọ - TP. Thanh Hóa		

▼ Công ty liên kết gồm:

1.	Công ty CP xây dựng Điện VNECO 1	Quận Liên Chiểu - Đà Nẵng	30.000.000.000	28,08%
2.	Công ty CP xây dựng Điện VNECO 2	Thành phố Vinh - Nghệ An	18.611.410.000	31,45%
3.	Công ty CP xây dựng Điện VNECO 5	Thị xã Đông Hà - Quảng Trị	13.500.000.000	30,00%
4.	Công ty CP xây dựng Điện VNECO 6	Quận Liên Chiểu - Đà Nẵng	24.225.000.000	37,74%
5.	Công ty CP xây dựng Điện VNECO 7	Thành phố Pleiku - Gia Lai	30.677.700.000	31,16%
6.	Công ty CP xây dựng Điện VNECO 9	TP Nha Trang - Khánh Hoà	31.000.000.000	24,39%
7.	Công ty CP xây dựng Điện VNECO 10	TP Quy Nhơn - Bình Định	9.984.500.000	30,05%
8.	Công ty CP xây dựng VNECO 11	Quận Hải Châu - Đà Nẵng	35.000.000.000	47,66%
9.	Công ty CP Chế tạo Kết cấu thép VNECO.SSM	KCN Hòa Khánh - Đà Nẵng	27.516.640.000	43,08%

▼ Đầu tư dài hạn khác:

1.	Công ty cổ phần Sông Ba	Quận Hải Châu - Đà Nẵng	6.517.000.000	
----	-------------------------	-------------------------	---------------	--

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 223 Trần Phú, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2009

GIẢI TRÌNH CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Trong Báo cáo kết quả kinh doanh Quý 1 năm 2009

Theo Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 1 năm 2009 của Tổng Công ty cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam, những chỉ tiêu sau có tỷ lệ thay đổi tăng, giảm cơ bản so với Quý 1 năm 2008:

1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh giảm

Quý 1 năm 2008	:	32.215.136.660 VND
Quý 1 năm 2009	:	16.888.389.701 VND
Giảm	:	15.326.746.959 VND - tương đương 47,58%

Nguyên nhân: Doanh thu giảm do các công trình triển khai thi công cuối năm 2008 đầu năm 2009 chưa nghiệm thu thanh toán kịp trong quý 1/2009. Vì vậy, doanh thu trong quý giảm.

2. Chi phí hoạt động tài chính tăng

Quý 1 năm 2008	:	6.644.214.619 VND
Quý 1 năm 2009	:	21.398.957.575 VND
Tăng	:	14.754.742.956 VND

Nguyên nhân: Do lãi vay vốn phải trả ngân hàng về đầu tư xây dựng công trình khách sạn Green Plaza, vốn vay phục vụ kinh doanh tăng so với quý 1 năm 2008 làm chi phí lãi vay tăng lên. Do trích lập dự phòng đầu tư tài chính tại các công ty con trong kỳ tăng thêm 544 triệu.

3. Chi phí Quản lý doanh nghiệp tăng

Quý 1 năm 2008	:	1.693.485.303 VND
Quý 1 năm 2009	:	4.360.426.403 VND
Tăng	:	2.666.941.100 VND

Nguyên nhân: Do trích khấu hao tài sản cố định, phân bổ công cụ dụng cụ và chi phí nhân viên bộ phận quản lý khách sạn Green Plaza, các khoản chi phí này tại quý 1 năm 2008 chưa phát sinh.

---> Các nguyên nhân trên đã làm cho lợi nhuận trước thuế Quý 1 năm 2009 giảm so với Quý 1 năm 2008, cụ thể:

Quý 1 năm 2008	:	1.755.742.906 VND
Quý 1 năm 2009	:	(25.161.768.072) VND
Giảm so với cùng kỳ năm trước	:	26.917.510.978 VND

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 04 năm 2009

NGƯỜI LẬP
(Đã ký)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Đã ký)

TỔNG GIÁM ĐỐC
(Đã ký và đóng dấu)

Trần Quang Cần

Phan Anh Quang

Đoàn Đức Hồng